

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00258

Trang 1/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi :

29/08/13

Giờ thi: 07:00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đệm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123258	HOÀNG TUẤN ANH	DH10KE	1	2.0	5.6	7.6	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	11123072	TÔ THỊ HỒNG CẨM	DH11KE	1	1.8	4.8	6.6	6.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	10123015	CHÉNH LÀY CHÁNH	DH10KE	1	2.0	6.5	8.5	8.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	10123027	PHẠM THỊ DŨY	DH10KE	1	1.8	7.2	9.0	9.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	11123093	LÂM CHÂU THANH DUY	DH11KE	1	2.0	5.6	7.6	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ DUYỀN	DH11KE	1	2.0	5.6	7.6	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	10123039	PHẠM THỊ NGỌC GIÀU	DH10KE	1	1.8	5.6	7.4	7.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	11363026	TRẦN THỊ THU HÀ	CD11CA	1	0.0	5.6	5.6	5.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	11123009	THÁI THỊ HẢI	DH11KE	1	2.0	5.0	7.0	7.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	09363066	BÙI THỊ HỒNG HẠNH	CD09CA	1	2.0	6.5	8.5	8.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	11363072	DƯƠNG THỊ HẠNH	CD11CA	1	2.0	6.5	8.5	8.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	11123098	PHẠM THỊ NHƯ HẢO	DH11KE	1	2.0	4.8	6.8	6.8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	11363119	NGUYỄN THỊ HẬU	CD11CA	1	1.5	4.0	5.5	5.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	11123105	VŨ THỊ HẬU	DH11KE	1	1.5	4.0	5.5	5.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	10123060	CHÂU THỊ THANH HIỀN	DH10KE	1	2.0	3.2	5.2	5.2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG HIỀN	DH11KE	1	2.0	5.6	7.6	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	10123066	VŨ THỊ HOÀI	DH10KE	1	2.0	5.6	7.6	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
18	11123110	HÀ THỊ MINH HOẠT	DH11KE	1	2.0	3.5	5.5	5.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số bài: 60; Số tờ: 60

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 26 tháng 07 năm 2013

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CHỈ ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00258

Trang 2/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 29/08/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123113	HOÀNG THỊ THU	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	2.4	4.4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	10363175	NGUYỄN THỊ THU	GD10GA						(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	10363055	NGUYỄN THỊ LỆ	CD10CA	1	<i>Lệ</i>	2.0	6.5	8.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11123123	TRẦN THỊ NỮ	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	6.5	8.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	11123026	TRẦN THỊ HOA	DH11KE	1	<i>Mai</i>	2.0	5.6	7.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	10123109	HỒ SĨ	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	0.0	6.4	6.4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	09123091	BÙI THỊ NGUYỆT	DH09KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	6.5	8.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	10123116	ĐỖ THỊ THỦY	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	6.5	8.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	11123129	TRẦN PHỤNG	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.6	3.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	11123067	TRẦN THỊ KIM	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	1.5	4.0	5.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	5.6	7.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	11363218	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	2.0	5.6	7.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	CD12CA	1	<i>[Signature]</i>	2.0	4.0	4.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	11123133	NGUYỄN THỊ NHẬT	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	5.0	7.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	10123134	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	7.0	9.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	11123139	NGUYỄN THỊ LÊ	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	7.0	9.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	5.6	7.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	10123160	NGÔ MINH SANG	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0	5.6	7.6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 60..... Số tờ: 60.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Chữ ký môn học)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân tương số

[Signature]
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân tương số

[Signature]
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân tương số

[Signature]
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân tương số

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00258

Trang 3/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 29/08/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số Chữ ký SV	P1 (%)	P2 (%)	Điểm thi tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10363185	BÙI THỊ THANH	CD10CA	1	8.0	6.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	10363095	ĐINH HIẾU	CD10CA	1	8.0	6.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	DH10KE	1	8.0	5.6	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	11363102	TRẦN THỊ THU	CD11CA	1	8.0	5.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	11363086	VÕ THỊ THU	CD11CA	1	8.0	8.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	10123174	PHẠM MINH	DH10KE	1	8.0	6.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	DH11KE	1	8.0	5.6	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	11123184	TRẦN THỊ THU	DH11KE	1	8.0	6.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12123185	PHAN THUY	DH12KE	1	8.0	7.5	9.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	11123158	BÙI MINH	DH11KE	1	8.0	4.6	3.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	11123049	ĐẶNG XUÂN	DH11KE	1	8.0	5.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	11123162	TRẦN THỊ HUỖN	DH11KE	1	8.0	5.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	11123163	TRẦN THỊ HUỖN	DH11KE	1	1.5	5.0	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	11123165	TÀ THỊ NGỌC	DH11KE	1	8.0	0.8	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	DH11KE	1	8.0	5.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH11KE	1	8.0	7.2	9.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	DH10KE	1	8.0	5.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	10123215	NGUYỄN QUANG	DH10KE	1	8.0	6.5	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 60; Số tờ: 60

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn (Chuyên môn học)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhân dạng 00258

Trang 4/1

Ngày Thi:

Ngày Thi:

29/08/13

Giới thi: 07g00 -

phút. Phòng thi TV302

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 09 năm 2017

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Al lies that down

17. 11. 19